

Số: /HD-STTTT

Lai Châu, ngày tháng năm 2022

### **HƯỚNG DẪN**

## **Tiêu chí, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025**

Kính gửi:

- UBND các huyện, thành phố;
- UBND các xã.

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025.

Thực hiện Công văn số 2032/SNN-VPĐP ngày 30/9/2022 của Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn về việc triển khai thực hiện Bộ tiêu chí nông thôn mới theo Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu. Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn tiêu chí, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông (tiêu chí số 8) trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025 như sau:

### **I. Tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới**

#### **1. Tiêu chí số 8 thông tin và truyền thông gồm:**

- Tiêu chí 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính.
- Tiêu chí 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet.

- Tiêu chí 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn.
- Tiêu chí 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành.

## **2. Tiêu chí 8.1. Xã có điểm phục vụ bưu chính**

### **2. 1. Nội dung tiêu chí**

#### *a) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất*

- Điểm phục vụ bưu chính là điểm có người phục vụ, có mặt bằng, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương.

- Có treo biển tên điểm phục vụ.

- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.

#### *b) Tiêu chuẩn về dịch vụ*

Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí (*Mã số QCVN 01:2015/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông*).

- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công bố với khách hàng.

*(Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có sự thay thế, điều chỉnh, khi thẩm định xã nông thôn mới áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế).*

**2.2. Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn tiêu chí:** Xã có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính.

## **3. Tiêu chí 8.2. Xã có dịch vụ viễn thông, internet**

### **3. 1. Nội dung tiêu chí**

Xã có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet:

- Dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất hoặc trên mạng viễn thông di động mặt đất, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất, Mã số QCVN 35:2019/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 07/2019/TT-BTTTT ngày 16/8/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất, Mã số QCVN 36:2015/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 40/2015/TT-BTTTT ngày 25/12/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

- Dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất hoặc trên mạng băng rộng di động mặt đất, đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet băng rộng cố định mặt đất QCVN 34:2019/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 08/2019/TT-BTTTT ngày 16/8/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng viễn thông di động mặt đất QCVN 81:2019/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 09/2019/TT-BTTTT ngày 16/8/2019 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

*(Trong trường hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có sự thay thế, điều chỉnh, khi thẩm định xã nông thôn mới áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế).*

### **3.2. Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn tiêu chí**

100% các thôn, bản trên địa bàn xã có dịch vụ viễn thông, internet đáp ứng quy chuẩn kỹ thuật quốc gia do cơ quan có thẩm quyền ban hành.

## **4. Tiêu chí 8.3. Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn, bản**

### **4.1. Nội dung tiêu chí**

#### *a) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất*

- Đối với đài truyền thanh không dây sử dụng công nghệ phát sóng vô tuyến:

+ Thiết bị truyền thanh không dây; phát xạ vô tuyến điện và tương thích điện từ có thông số kỹ thuật phù hợp với quy chuẩn kỹ thuật quốc gia:

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phổ tần và tương thích điện từ đối với thiết bị phát thanh quảng bá sử dụng kỹ thuật điều tần (FM); Mã số QCVN 30:2011/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 10/2011/TT-BTTTT ngày 14/4/2011 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về phổ tần số và tương thích điện từ đối với thiết bị truyền thanh không dây sử dụng kỹ thuật điều tần (FM) băng tần từ 54 MHz đến 68 MHz; Mã số QCVN 70:2013/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 16/2013/TT-BTTTT ngày 10/7/2013 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về tương thích điện từ đối với thiết bị thông tin vô tuyến điện; Mã số QCVN 18:2014/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 21/2014/TT-BTTTT ngày 16/12/2014 của Bộ Thông tin và Truyền thông.

+ Có giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện và hoạt động đúng băng tần được cấp phép. Tuân thủ quy định về sử dụng tần số vô tuyến điện:

Quy hoạch sử dụng kênh tần số phát thanh FM (Thông tư số 37/2017/TT-BTTTT ngày 07/12/2017 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

Quy định chi tiết và hướng dẫn thủ tục cấp giấy phép sử dụng tần số vô tuyến điện; cho thuê, cho mượn thiết bị vô tuyến điện; sử dụng chung tần số vô tuyến điện (Thông tư số 04/2021/TT-BTTTT ngày 13/8/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông).

- Đối với đài truyền thanh ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông: Đảm bảo các điều kiện về cơ sở vật chất, trang thiết bị kỹ thuật, yêu cầu về kỹ thuật, kết nối, an toàn thông tin tại Thông tư 39/2020/TT-BTTTT ngày 24/11/2020 của Bộ Thông tin và Truyền thông quy định về quản lý đài truyền thanh cấp xã ứng dụng công nghệ thông tin - viễn thông.

*b) Tiêu chuẩn về hoạt động của đài truyền thanh và hệ thống loa*

- Đài truyền thanh xã hoạt động theo quy định tại Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành quy chế hoạt động thông tin cơ sở.

- Hệ thống loa truyền thanh thôn hoạt động thường xuyên: Đảm bảo việc tiếp sóng, phát lại các chương trình thời sự và các chương trình khác của Đài Tiếng nói

Việt Nam, Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, thể thao - Truyền thông cấp huyện; sản xuất các chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân trên địa bàn.

*(Theo quy định tại Mục 1 Chương II Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Quy chế hoạt động thông tin cơ sở).*

- Ban hành Quy chế hoạt động và thành lập Ban biên tập đài truyền thanh.
- Xã bố trí ít nhất 01 nhân sự phụ trách đài truyền thanh cơ sở; thôn bố trí 01 nhân sự phụ trách quản lý các cụm loa truyền thanh thôn.

#### **4.2. Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn tiêu chí**

- a) Xã có đài truyền thanh hoạt động ổn định.
- b) Có ít nhất 2/3 số thôn trong xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên.

#### **5. Tiêu chí 8.4. Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành**

Xã có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành là xã đáp ứng đủ các điều kiện sau:

- a) Tỷ lệ máy vi tính/số cán bộ, công chức của xã đạt tối thiểu 50%;
- b) Xã có sử dụng ít nhất 04 phần mềm ứng dụng sau:
  - Hệ thống quản lý văn bản và điều hành.
  - Hệ thống thư điện tử công vụ (mail.laichau.gov.vn).
  - Hệ thống một cửa điện tử.
  - Cổng/trang thông tin điện tử có chức năng cung cấp thông tin phục vụ công tác quản lý, điều hành và cung cấp dịch vụ công trực tuyến tích hợp trên cổng thông tin điện tử của tỉnh.
- c) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 30%.

#### **6. Hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí**

- Văn bản đề nghị thẩm định của UBND cấp huyện (Mẫu số 01).
- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 của UBND cấp huyện (Mẫu số 02).
- Quyết định thành lập điểm phục vụ bưu chính.

- Xác nhận của doanh nghiệp bưu chính về mặt bằng, trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu chính đảm bảo chất lượng dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ (Mẫu số 03).
- Văn bản xác nhận của doanh nghiệp viễn thông về hiện trạng hạ tầng cung cấp dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet (Mẫu số 04).
- Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã.
- Quyết định thành lập Ban biên tập đài truyền thanh; phân công nhiệm vụ thành viên Ban biên tập.
- Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với các đài truyền thanh không dây FM).

## **II. Tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao**

Xã đạt tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao là xã đạt chuẩn tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025, và đạt các tiêu chí nâng cao sau:

### **1. Tiêu chí số 8 thông tin và truyền thông gồm**

- Tiêu chí 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.
- Tiêu chí 8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh.
- Tiêu chí 8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông.
- Tiêu chí 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới.
- Tiêu chí 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...).

### **2. Tiêu chí 8.1. Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân**

#### **2.1. Nội dung tiêu chí**

##### *a) Tiêu chuẩn về cơ sở vật chất*

- Điểm phục vụ bưu chính có người phục vụ, có mặt bằng, có máy tính kết nối Internet, máy quét, trang thiết bị phù hợp với hình thức tổ chức cung ứng và nhu cầu sử dụng dịch vụ bưu chính tại địa phương,

- Có treo biển tên điểm phục vụ.
- Niêm yết giờ mở cửa phục vụ và các thông tin về dịch vụ bưu chính cung ứng tại điểm phục vụ.

- Thời gian mở cửa phục vụ phải đảm bảo tối thiểu 4 giờ/ngày làm việc.

#### *b) Tiêu chuẩn về dịch vụ*

Tại điểm phục vụ, đảm bảo cung cấp các dịch vụ:

- Dịch vụ thư có địa chỉ nhận, khối lượng đơn chiếc đến 02 kg đáp ứng Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng dịch vụ bưu chính công ích, dịch vụ công ích trong hoạt động phát hành báo chí (*Mã số QCVN 01:2015/BTTTT, ban hành kèm theo Thông tư số 17/2015/TT-BTTTT ngày 30/6/2015 của Bộ Thông tin và Truyền thông*).

- Dịch vụ gói, kiện hàng hóa có khối lượng đơn chiếc đến 05 kg đáp ứng các tiêu chuẩn chất lượng dịch vụ do doanh nghiệp cung ứng dịch vụ công bố với khách hàng.

- Có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

*(Trường hợp quy chuẩn kỹ thuật quốc gia có sự thay thế, điều chỉnh, khi thẩm định xã nông thôn mới áp dụng theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia thay thế).*

### **2.2. Điều kiện tối thiểu đạt chuẩn tiêu chí**

Xã có ít nhất 01 (một) điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân.

## **3. Tiêu chí 8.2. Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh**

**3.1. Điện thoại thông minh** là thiết bị di động sử dụng hệ điều hành, có các chức năng kết hợp giữa điện thoại di động và máy tính, có khả năng cài đặt các phần mềm mở rộng và có khả năng truy cập mạng Internet.

**3.2. Điều kiện đạt tiêu chí:** Xã có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng số dân của xã đạt tối thiểu 50%.

## **4. Tiêu chí 8.3. Có dịch vụ báo chí truyền thông**

Xã đạt tiêu chí là xã đáp ứng các điều kiện:

- 90% thôn, bản của xã có hệ thống loa hoạt động thường xuyên.

Hệ thống loa hoạt động thường xuyên: Đảm bảo việc tiếp sóng, phát lại các chương trình thời sự và các chương trình khác của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài

phát thanh - truyền hình tỉnh, Trung tâm Văn hóa, thể thao - Truyền thông cấp huyện; sản xuất các chương trình phát thanh phục vụ nhiệm vụ chính trị, thông tin thiết yếu đáp ứng nhu cầu thông tin của người dân trên địa bàn (*theo quy định tại Quyết định số 52/2016/QĐ-TTg ngày 06/12/2016 của Thủ tướng Chính phủ*).

- 100% số thôn trong xã có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

- Có ít nhất một điểm cung cấp xuất bản phẩm:

*Xuất bản phẩm* là tác phẩm, tài liệu về chính trị, kinh tế, văn hóa, xã hội, giáo dục và đào tạo, khoa học, công nghệ, văn học, nghệ thuật được xuất bản thông qua nhà xuất bản hoặc cơ quan, tổ chức được cấp giấy phép xuất bản bằng các ngôn ngữ khác nhau, bằng hình ảnh, âm thanh và được thể hiện dưới các hình thức: Sách in; Sách chữ nổi; Tranh, ảnh, bản đồ, áp-phích, tờ rời, tờ gấp; Các loại lịch; Bản ghi âm, ghi hình có nội dung thay sách hoặc minh họa cho sách (*khoản 4 Điều 4 Luật Xuất bản*).

*Điểm cung cấp xuất bản phẩm*: Là điểm đặt tại nơi công cộng hoặc nơi sinh hoạt cộng đồng dành cho việc cung cấp xuất bản phẩm (cho thuê/cho mượn) để đưa xuất bản phẩm đến người sử dụng. Có thể là hiệu sách, tủ sách công cộng (tủ sách đặt tại nhà văn hóa xã/điểm bưu điện văn hóa xã/các điểm công cộng đồng người qua lại) ...

**5. Tiêu chí 8.4. Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới**

Xã đạt tiêu chí là xã đáp ứng các điều kiện:

a) Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã đạt tối thiểu 50%.

b) Tỷ lệ cán bộ, công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin đạt: tối thiểu 80% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ về Phê duyệt danh sách các xã khu vực III, khu vực II, khu vực I



thuộc vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi giai đoạn 2021 - 2025) và 100% đối với các xã còn lại.

c) Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản đạt: Tối thiểu 50% đối với các xã vùng đồng bào dân tộc thiểu số và miền núi (theo quyết định số 861/QĐ-TTg ngày 04/6/2021 của Thủ tướng Chính phủ), tối thiểu 70% đối với các xã còn lại.

d) 100% sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử.

đ) 100% hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ.

### **6. Tiêu chí 8.5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng...)**

Xã đạt tiêu chí là xã có ít nhất 01 điểm wifi miễn phí tại điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...).

#### **7. Hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí**

- Văn bản đề nghị thẩm định của UBND cấp huyện (Mẫu số 05).
- Báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 nâng cao của UBND cấp huyện (Mẫu số 06).
- Quyết định của UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.
- Quyết định thành lập điểm phục vụ bưu chính.
- Xác nhận của doanh nghiệp bưu chính về mặt bằng, trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu chính đảm bảo chất lượng dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ (Mẫu số 03).
- Ảnh chụp điểm cung cấp xuất bản phẩm.
- Văn bản xác nhận của Bưu điện tỉnh về việc gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode) đối với 100% trụ sở cơ quan, tổ chức, khu di tích, hộ gia đình (Mẫu số 07).
- Tài liệu xác nhận có mạng wifi miễn phí tại điểm công cộng:
  - + Hợp đồng triển khai điểm wifi miễn phí tại các điểm công cộng ký kết với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (đối với trường hợp điểm công cộng thuê đường truyền internet độc lập).

Hoặc

+ Hợp đồng thuê đường truyền Internet (đối với trường hợp sử dụng chung wifi với đơn vị có hợp đồng thuê đường truyền internet, ví dụ dùng chung với wifi của UBND xã, nhà dân, ...) và hình chụp vị trí lắp đặt thiết bị wifi (có thời gian, tọa độ và địa chỉ trên ảnh); hình chụp kết quả test wifi (có thời gian, tọa độ và vị trí test dịch vụ) tại khu vực lắp đặt thiết bị (sử dụng các ứng dụng như: i-speed, speedtest, ...).

Trên đây là hướng dẫn của Sở Thông tin và Truyền thông về tiêu chí, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025./.

***Nơi nhận:***

- UBND tỉnh (Báo cáo);
- Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn;
- Văn phòng Điều phối XD NTM tỉnh;
- Lưu: VT, BCVTCNTT.

**GIÁM ĐỐC**

**Nguyễn Minh Hiệu**

**MẪU HỒ SƠ XÉT, CÔNG NHẬN XÃ ĐẠT CHUẨN TIÊU CHÍ SỐ 8 TRONG  
BỘ TIÊU CHÍ VỀ XÃ NÔNG THÔN MỚI, XÃ NÔNG THÔN MỚI NÂNG CAO**  
(Kèm theo Hướng dẫn số /HD-STTTT ngày tháng năm 2022 của  
Sở Thông tin và Truyền thông)

**Mẫu số 01**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(huyện, tp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTTr-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định, xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn tiêu chí số 8  
(thông tin và truyền thông) về xây dựng nông thôn mới năm .....**

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu.

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ hướng dẫn số .../HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.*

UBND huyện/thành phố ..... đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn tiêu chí số 8 thông tin và truyền thông năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm:

1. Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND huyện/thành phố..... về kết quả thực hiện tiêu chí số 8 (mẫu số 02);
2. Quyết định thành lập điểm phục vụ bưu chính;

3. Văn bản số..... ngày .... tháng .... năm ..... có xác nhận của doanh nghiệp bưu chính về hiện trạng mặt bằng, trang thiết bị, dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ (mẫu số 03);

4. Văn bản số..... ngày ...../...../..... có xác nhận của (*doanh nghiệp viễn thông*) về hiện trạng hạ tầng cung cấp dịch vụ điện thoại và dịch vụ truy nhập Internet (mẫu số 04).

5. Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã.

6. Quyết định thành lập Ban biên tập Đài truyền thanh; phân công nhiệm vụ thành viên Ban biên tập.

7. Giấy cấp phép sử dụng tần số (đối với các đài truyền thanh không dây).

UBND huyện/thành phố..... đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, thẩm định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT.

**TM. UBND .....**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 02**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
.....(**huyện, Tp**)

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện tiêu chí số 8 xã ..... năm .....**

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ hướng dẫn số .../HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ đề nghị của UBND xã ..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã .....đạt chuẩn nông thôn mới năm .....*

UBND huyện/thành phố..... báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 về nông thôn mới đối với xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

**I. Kết quả thực hiện tiêu chí:****1. Tiêu chí 8.1: Xã có điểm phục vụ bưu chính**

Xã .....có .... (ghi số lượng điểm) điểm phục vụ bưu chính, địa chỉ tại: ...

- Về cơ sở vật chất:

+ Mặt bằng và các trang thiết bị sử dụng: .....

+ Treo biển tên điểm phục vụ: .....

+ Treo số hiệu điểm phục vụ (đối với bưu cục và điểm bưu điện văn hóa xã):  
.....

+ Niêm yết giờ mở cửa phục vụ: .....(niêm yết giờ mở cửa là bao nhiêu giờ/ngày, thời gian: sáng/chiều từ ... đến .... giờ);

- Về dịch vụ cung ứng: *(kể tên các dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ bưu chính)*.

+ Cung cấp dịch vụ thư: .....

+ Cung cấp dịch vụ gói, kiện hàng: .....

+ *(Quyết định thành lập điểm phục vụ bưu chính và văn bản có xác nhận của doanh nghiệp bưu chính kèm theo)*

## **2. Tiêu chí 8.2: Xã có dịch vụ viễn thông, internet**

Xã .... có ...thôn/tổng số thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông cố định mặt đất.

Xã .... có ...thôn/tổng số thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ điện thoại trên mạng viễn thông di động mặt đất.

Xã .... có ...thôn/tổng số thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng cố định mặt đất.

Xã .... có ...thôn/tổng số thôn có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ truy nhập Internet trên mạng băng rộng di động mặt đất.

*(Văn bản xác nhận của doanh nghiệp viễn thông kèm theo)*

## **3. Tiêu chí 8.3: Xã có đài truyền thanh và hệ thống loa đến các thôn**

a) Đối với đài truyền thanh cấp xã

- Xã có ..... *(ghi số lượng đài)* đài truyền thanh có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT, được xây dựng từ năm ... *(năm nào?)*.

- Giấy phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện số .....ngày ...../...../... có hiệu lực đến ngày ...../...../..... *(đối với đài truyền thanh không dây FM)*.

- Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã được ban hành tại Quyết định số ...../QĐ-UBND ngày ...../...../..... của UBND.....

- Số nhân sự phụ trách quản lý, vận hành đài truyền thanh xã: có .... người.

- Tình trạng vận hành, hoạt động của đài .... *(hoạt động tốt/bình thường/xuống cấp, hư hỏng gì?)*.

b) Đối với cụm loa thôn, bản

- Xã có .... *(ghi số lượng thôn)* thôn, bản. Số thôn, bản có cụm loa truyền thanh là .... *(ghi số lượng thôn)*.

Trong đó có ... *(ghi số lượng cụm)* cụm loa có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT.

- Tình hình hoạt động: Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo.

- Số nhân sự phụ trách cụm loa thôn, bản: có .... người.

- *(Có Quy chế hoạt động của đài truyền thanh cấp xã; Quyết định thành lập Ban biên tập đài truyền thanh; phân công nhiệm vụ thành viên Ban biên tập; Giấy*

*phép sử dụng tần số và thiết bị vô tuyến điện (đối với các đài truyền thanh không dây FM) kèm theo).*

**4. Tiêu chí 8.4: Xã có ứng dụng CNTT trong công tác quản lý, điều hành**

- Số cán bộ công chức được trang bị máy vi tính/tổng số cán bộ, công chức của xã: .....

- Xã có sử dụng ứng dụng CNTT trong công tác quản lý và điều hành: .....(liệt kê các ứng dụng đang được triển khai).

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã: .....

**II. Tự đánh giá**

Xã .....(đạt/không đạt trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí) tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.

**Nơi nhận:**

- Sở TT&TT;
- .....
- .....
- Lưu: VT, .....

**TM. UBND .....**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Biểu 01**  
**HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG TRUYỀN THANH CƠ**  
**SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ.....**

<b>STT</b>	<b>Tên thôn, bản</b>	<b>Tổng số cụm loa</b>	<b>Số cụm loa hoạt động bình thường</b>	<b>Số cụm loa hoạt động kém</b>	<b>Số cụm loa hỏng</b>	<b>Công nghệ (có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Thôn A	2	1	1	0	Không dây	
2	Thôn B	3	1	0	2	Ứng dụng CNTT-VT	
3	...						
...							
n							
	<b>Tổng cộng:</b>						



**Mẫu số 03**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(huyện, Tp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....  
V/v xác nhận hiện trạng mặt bằng,  
trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu chính

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

Kính gửi: .....(tên doanh nghiệp bưu chính) .....

Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;

Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025;

Căn cứ hướng dẫn số .../HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.

UBND huyện/Tp..... đề nghị .....(tên doanh nghiệp bưu chính) xác nhận hiện trạng mặt bằng, trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu chính trên địa bàn xã ..... . Cụ thể như sau:

STT	Tên điểm phục vụ	Số hiệu	Địa chỉ	Dịch vụ cung cấp

UBND huyện/Tp.....đề nghị .....(tên doanh nghiệp bưu chính) xác nhận các nội dung trên.

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP  
BƯU CHÍNH**  
(Ghi nội dung xác nhận hay không xác nhận  
và Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**TM. UBND HUYỆN/TP....  
CHỦ TỊCH**  
(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)

**Mẫu số 04**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(huyện, Tp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....  
 V/v xác nhận hiện trạng hạ tầng  
 cung cấp dịch vụ điện thoại và  
 dịch vụ truy nhập Internet

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

Kính gửi: .....(tên doanh nghiệp viễn thông) .....

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ hướng dẫn số .../HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.*

UBND huyện/Tp..... đề nghị .....(tên doanh nghiệp viễn thông) xác nhận hiện trạng hạ tầng trên địa bàn xã ..... đáp ứng việc cung cấp dịch vụ điện thoại, Internet với chất lượng đảm bảo theo Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia hiện hành. Cụ thể như sau:

STT	Tên thôn, bản	Dịch vụ điện thoại		Dịch vụ truy nhập Internet	
		Cố định	Di động	Cố định	Di động
1					
2					

3					
...					
...					
...					
n					

*(Ghi chú: Tích “X” nếu có khả năng đáp ứng nhu cầu sử dụng dịch vụ, để trống nếu không đáp ứng)*

UBND huyện/Tp.....đề nghị .....(tên doanh nghiệp viễn thông) xác nhận các nội dung trên.

**XÁC NHẬN CỦA DOANH NGHIỆP  
VIỄN THÔNG**

*(Ghi nội dung xác nhận hay không xác nhận  
và Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**TM. UBND HUYỆN/TP....  
CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 05**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(huyện, Tp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: ...../TTr-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20.....

**TỜ TRÌNH**

**Về việc thẩm định, xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn tiêu chí số 8  
(thông tin và truyền thông) về xây dựng nông thôn mới nâng cao năm .....**

Kính gửi: Sở Thông tin và Truyền thông tỉnh Lai Châu.

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ hướng dẫn số .../HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.*

UBND huyện/thị xã/thành phố ..... đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông thẩm định, xét, công nhận xã ..... đạt chuẩn tiêu chí số 8 thông tin và truyền thông nâng cao năm .....

Hồ sơ kèm theo Tờ trình gồm:

1. Báo cáo số ..... ngày ...../...../..... của UBND huyện/thành phố..... về kết quả thực hiện tiêu chí số 8 nâng cao (mẫu số 06);

2. Quyết định của UBND tỉnh công nhận xã đạt chuẩn nông thôn mới.

3. Quyết định thành lập điểm phục vụ bưu chính.

4. Xác nhận của doanh nghiệp bưu chính về mặt bằng, trang thiết bị tại điểm phục vụ bưu chính đảm bảo chất lượng dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ (mẫu số 03).

5. Ảnh chụp điểm cung cấp xuất bản phẩm.

6. Văn bản xác nhận của Bưu điện tỉnh về việc gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode) đối với 100% trụ sở cơ quan, tổ chức, khu di tích, hộ gia đình trên địa bàn thôn thông minh (mẫu số 07).

7. Hợp đồng triển khai điểm wifi miễn phí tại các điểm công cộng ký kết với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ (đối với trường hợp điểm công cộng thuê đường truyền internet độc lập).

Hoặc

Hợp đồng thuê đường truyền Internet (đối với trường hợp sử dụng chung wifi với đơn vị có hợp đồng thuê đường truyền internet, ví dụ dùng chung với wifi của UBND xã, nhà dân, ...) và hình chụp vị trí lắp đặt thiết bị wifi (có thời gian, tọa độ và địa chỉ trên ảnh); hình chụp kết quả test wifi (có thời gian, tọa độ và vị trí test dịch vụ) tại khu vực lắp đặt thiết bị (sử dụng các ứng dụng như: ispeed, speedtest, ...).

UBND huyện/thành phố..... đề nghị Sở Thông tin và Truyền thông xem xét, thẩm định./.

**Nơi nhận:**

- Như trên;
- .....
- Lưu: VT.

**TM. UBND HUYỆN/TP .....**  
**CHU TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*

**Mẫu số 06**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(huyện, Tp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: /BC-UBND

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

**BÁO CÁO****Kết quả thực hiện tiêu chí số 8 nâng cao xã ..... năm .....**

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ hướng dẫn số .../HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ đề nghị của UBND xã ..... tại Tờ trình số ...../TTr-UBND ngày ...../...../..... về việc thẩm tra, xét công nhận xã .....đạt chuẩn nông thôn mới năm .....*

UBND huyện/thành phố..... báo cáo kết quả thực hiện tiêu chí số 8 về nông thôn mới nâng cao đối với xã ..... năm ..... cụ thể như sau:

**I. Kết quả thực hiện tiêu chí:****1. Tiêu chí 8.1: Có điểm phục vụ bưu chính đáp ứng cung cấp dịch vụ công trực tuyến cho người dân**

Xã .....có .... (ghi số lượng điểm) điểm phục vụ bưu chính, địa chỉ tại: ...

- Về cơ sở vật chất:

+ Mặt bằng và các trang thiết bị sử dụng: .....

+ Treo biển tên điểm phục vụ: .....

+ Treo số hiệu điểm phục vụ (đối với bưu cục và điểm bưu điện văn hóa xã):

.....

+ Niêm yết giờ mở cửa phục vụ: .....(niêm yết giờ mở cửa là bao nhiêu giờ/ngày, thời gian: sáng/chiều từ ... đến .... giờ);

- Về dịch vụ cung ứng: *(kể tên các dịch vụ cung ứng tại điểm phục vụ bưu chính)*.
- + Cung cấp dịch vụ thư: .....
- + Cung cấp dịch vụ gói, kiện hàng: .....
- + Có khả năng phục vụ nhu cầu sử dụng dịch vụ công trực tuyến của người dân.

*(Quyết định thành lập điểm phục vụ bưu chính và văn bản xác nhận của doanh nghiệp bưu chính kèm theo)*

### **2. Tiêu chí 8.2: Tỷ lệ thuê bao sử dụng điện thoại thông minh**

Xã có tỷ lệ dân số trong độ tuổi lao động có thuê bao sử dụng điện thoại thông minh/tổng số dân của xã: ...../.....

*(Chi tiết tại Biểu 01 kèm theo)*

### **3. Tiêu chí 8.3: Có dịch vụ báo chí truyền thông**

a) Đối với hệ thống loa truyền thanh

- Xã có ..... *(ghi số lượng thôn)* thôn, bản. Số thôn, bản có cụm loa truyền thanh là ..... *(ghi số lượng thôn)*.

Trong đó có ... *(ghi số lượng cụm)* cụm loa có dây/không dây/ứng dụng CNTT-VT.

- Tình hình hoạt động: Chi tiết tại Biểu 02 kèm theo.

- Số nhân sự phụ trách cụm loa thôn, bản: có .... người.

- Tần suất tiếp sóng, phát lại các chương trình phát thanh của Đài Tiếng nói Việt Nam, Đài phát thanh - truyền hình tỉnh, Cơ sở truyền thanh - truyền hình cấp huyện: .....

- Số lượng chương trình phát thanh tự sản xuất: .....

- Nội dung tuyên truyền trọng tâm qua hệ thống loa truyền thanh: .....

b) Đối với việc xem được truyền hình

Xã có .....*(ghi số thôn)* thôn có hộ gia đình thu xem được 01 trong số các phương thức truyền hình vệ tinh, cáp, số mặt đất, truyền hình qua mạng Internet.

*(Chi tiết tại Biểu 03 kèm theo)*

c) Đối với điểm cung cấp xuất bản phẩm

Xã có .....*(ghi số lượng điểm)* cung cấp xuất bản phẩm, hình thức là hiệu sách/đại lý/điểm cung cấp xuất bản phẩm/tủ sách công cộng tại địa chỉ....., họ tên và số điện thoại người quản lý điểm cung cấp xuất bản phẩm.....

*(Ảnh chụp điểm cung cấp xuất bản phẩm gửi kèm theo)*

**Tiêu chí 8.4: Có ứng dụng công nghệ thông tin trong công tác quản lý, điều hành phục vụ đời sống kinh tế - xã hội và tổ chức lấy ý kiến sự hài lòng của người dân về kết quả xây dựng nông thôn mới**

- Tỷ lệ hồ sơ giải quyết trực tuyến trên tổng số hồ sơ giải quyết thủ tục hành chính của xã: ...../.....

- Tỷ lệ cán bộ công chức cấp xã được bồi dưỡng, tập huấn kiến thức, kỹ năng số và an toàn thông tin/Tổng số cán bộ công chức cấp xã: ...../.....

*(Chi tiết tại Biểu 04 kèm theo)*

- Tỷ lệ người dân trong độ tuổi lao động được phổ biến kiến thức về sử dụng máy tính và kỹ năng số cơ bản/tổng số dân trong độ tuổi lao động của xã: ...../.....

- Tỷ lệ sản phẩm OCOP của xã được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử: .....*(ghi số sản phẩm OCOP được giới thiệu, quảng bá trên nền tảng sàn thương mại điện tử)/.....(ghi tổng số sản phẩm OCOP).*

*(Chi tiết tại Biểu 05 kèm theo)*

- Tỷ lệ hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích được thông báo, gắn biển địa chỉ số đến từng điểm địa chỉ: ....%

*(Có văn bản xác nhận của Bruu điện cấp huyện kèm theo)*

### **5. Có mạng wifi miễn phí ở các điểm công cộng (khu vực trung tâm xã, nơi sinh hoạt cộng đồng, điểm du lịch cộng đồng,...)**

Xã có .....*(ghi số lượng điểm)* điểm cung cấp dịch vụ wifi miễn phí tại.....*(liệt kê các địa chỉ).*

*(Có hợp đồng triển khai điểm wifi miễn phí tại các điểm công cộng ký kết với doanh nghiệp cung cấp dịch vụ hoặc hợp đồng thuê đường truyền Internet và hình chụp vị trí lắp đặt thiết bị wifi (có thời gian, tọa độ và địa chỉ trên ảnh); hình chụp kết quả test wifi (có thời gian, tọa độ và vị trí test dịch vụ) tại khu vực lắp đặt thiết bị gửi kèm theo)*

## **II. Tự đánh giá**

Xã .....*(đạt/không đạt trên cơ sở kết quả thực hiện so với yêu cầu của tiêu chí)* tiêu chí số 8 trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025.

### **Nơi nhận:**

- Sở TT&TT;
- .....;
- .....;
- Lưu, VT.

**TM. UBND .....**

**CHỦ TỊCH**

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*



**Biểu 01**  
**DANH SÁCH NGƯỜI DÂN TRONG ĐỘ TUỔI LAO ĐỘNG TRÊN**  
**ĐỊA BÀN XÃ ... SỬ DỤNG ĐIỆN THOẠI THÔNG MINH**

STT	Thôn, bản	Họ và tên	Số điện thoại	Ghi chú
1				
2				
...				
...				
n				

**Ghi chú:** Chỉ thống kê danh sách người dân thực tế thường trú tại hộ gia đình thuộc xã (là những người thực tế thường xuyên ăn ở tại hộ tính đến thời điểm đề nghị thẩm định tiêu chí NTM đã được 06 tháng trở lên và những người mới chuyển đến sẽ ở ổn định tại hộ, không phân biệt có hay không có hộ khẩu thường trú tại xã/phường/thị trấn đang ở).

**Biểu 02**  
**HIỆN TRẠNG HOẠT ĐỘNG CỦA HỆ THỐNG TRUYỀN THANH**  
**CƠ SỞ TRÊN ĐỊA BÀN XÃ.....**

<b>STT</b>	<b>Tên thôn, bản</b>	<b>Tổng số cụm loa</b>	<b>Số cụm loa hoạt động bình thường</b>	<b>Số cụm hoa hoạt động kém</b>	<b>Số cụm loa hỏng</b>	<b>Công nghệ (có dây/không dây/ứng dụng CNTT- VT)</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Thôn A	2	1	1	0	Không dây	
2	Thôn B	3	1	0	2	Ứng dụng CNTT-VT	
3	...						
...							
n							
	<b>Tổng cộng:</b>						

**Biểu 03**  
**DANH SÁCH THÔN XEM ĐƯỢC TRUYỀN HÌNH**

TT	Hộ gia đình	Loại hình (Tích dấu X vào cột tương ứng)		Địa chỉ thường trú	Điện thoại liên hệ
		Ti vi	Điện thoại thông minh		
Thôn, bản A					
1	Ông/bà Nguyễn Văn A	x	x		
2	Ông/bà Nguyễn Văn B		x		
...					
Thôn, bản B					
1					
2					
...					
Thôn, bản C					
...					

**Biểu 04****DANH SÁCH CÁN BỘ CHÔNG CHỨC CẤP XÃ ĐƯỢC BỒI DƯỠNG,  
TẬP HUẤN KIẾN THỨC, KỸ NĂNG SỐ VÀ AN TOÀN THÔNG TIN**

<b>TT</b>	<b>Tên cán bộ, công chức cấp xã</b> <i>(Liệt kê đủ toàn bộ cán bộ, công chức cấp xã)</i>	<b>Bồi dưỡng, tập huấn</b> <i>(Tích dấu X nếu được bồi dưỡng)</i>	<b>Văn bản cử, triệu tập cán bộ, công chức tham dự bồi dưỡng, tập huấn</b>	<b>Ghi chú</b>
1	Nguyễn Văn A	x	Văn bản số... ngày ...tháng... năm...	
2	Nguyễn Văn B			
...				
....				
n				

**Biểu 05**  
**DANH SÁCH SẢN PHẨM OCOP CỦA XÃ**

<b>TT</b>	<b>Tên sản phẩm OCOP</b> <i>(Liệt kê toàn bộ tên sản phẩm OCOP của xã)</i>	<b>Văn bản công nhận sản phẩm OCOP</b>	<b>Đường dẫn truy cập (link) sản phẩm trên sàn thương mại điện tử</b>	<b>Ghi chú</b>
1				
2				
...				
n				

**Mẫu số 07**

**ỦY BAN NHÂN DÂN**  
**.....(huyện, Tp)**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Số: .....

....., ngày ..... tháng ..... năm 20....

V/v xác nhận việc gắn địa chỉ số trên  
 nền tảng địa chỉ số Việt Nam

Kính gửi: Bru điện huyện/thành phố .....

*Căn cứ Quyết định số 318/QĐ-TTg ngày 08/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ ban hành Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1127/QĐ-BTTTT ngày 22/6/2022 của Bộ Thông tin và Truyền thông công bố các chỉ tiêu thuộc tiêu chí thông tin và truyền thông của Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí quốc gia về xã nông thôn mới nâng cao giai đoạn 2021-2025;*

*Căn cứ Quyết định số 1285/QĐ-UBND ngày 27/9/2022 của Ủy ban nhân dân tỉnh Lai Châu ban hành Bộ tiêu chí về xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021 - 2025;*

*Căn cứ hướng dẫn số .../HD-STTTT ngày .../.../2022 của Sở Thông tin và Truyền thông hướng dẫn thủ tục, hồ sơ đánh giá, thẩm định tiêu chí thông tin và truyền thông trong Bộ tiêu chí xã nông thôn mới và Bộ tiêu chí xã nông thôn mới nâng cao tỉnh Lai Châu giai đoạn 2021-2025;*

UBND huyện/thành phố ..... đề nghị Bru điện huyện/thành phố ..... xác nhận gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode) cho các hộ gia đình, cơ quan, tổ chức, khu di tích trên địa bàn xã ..... Cụ thể như sau:

1. Số hộ gia đình trên địa bàn xã.....được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... hộ gia đình.

2. Số trụ sở cơ quan, tổ chức đóng trên địa bàn xã..... được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... trụ sở cơ quan, tổ chức.

3. Số khu di tích trên địa bàn xã.....được gắn địa chỉ số trên nền tảng địa chỉ số Việt Nam (Vpostcode): ..... khu di tích.

UBND huyện/thành phố.....đề nghị Bru điện huyện/thành phố ..... xác nhận các nội dung trên.

**XÁC NHẬN CỦA BƯU ĐIỆN HUYỆN**

**TM. UBND HUYỆN/TP....**

.....

**CHỦ TỊCH**

*(Ghi nội dung xác nhận, ký tên, đóng dấu,  
 ghi rõ họ tên)*

*(Ký tên, đóng dấu, ghi rõ họ tên)*